TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 25-4-2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Võ Văn Sanh – Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai cho ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 887/2019/HĐTD ngày 13-3-2019, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là ngày 13-3-2020, kỳ hạn trả tiền lãi là 03 tháng/lần vào ngày 13 của tháng thứ 3. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên, giữa Ngân hàng với ông K và bà H có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 660318/HĐTC ngày 14-3-2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến nay ông K và bà H đã thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng đã thực hiện việc giải chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng này nữa.

- Hợp đồng tín dụng số 2044/2019/HĐTD ngày 15-5-2019, số tiền vay là 500.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc cà phê và sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 11%/năm, phân kỳ trả nợ là 02 kỳ: Kỳ 1 là ngày 15-5-2020, số tiền

trả nợ là 50.000.000 đồng; kỳ 2 là ngày 15-5-2021, số tiền trả nợ là 450.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi tiền vay là 03 tháng/lần vào ngày 15 của tháng thứ 3 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Ngày 16-7-2021 Ngân hàng có thông báo điều chỉnh giảm lãi suất cho vay trong từ 11%/năm, điều chỉnh thành 9,9%/năm trong thời gian từ ngày 15-7-2021 đến hết ngày 31-12-2021. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên, giữa Ngân hàng với ông K và bà H có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 510518/HĐTC ngày 15-5-2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 60 tại xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số S 546955 ngày 19-12-2000.

Thực hiện hợp đồng, đến nay ông K và bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 15-11-2019 số tiền là 27.876.712 đồng. Ngày 16-5-2020 ông K và bà H phải trả toàn bộ nợ gốc theo thỏa thuận nhưng họ không thực hiện đúng nên từ ngày 17-5-2020 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K và bà H phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 21-6-2022 là 513.970.708 đồng, trong đó nợ gốc là 340.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.322.685 đồng, nợ lãi trong hạn là 77.195.891 đồng, lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 12.452.132 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Trường hợp ông K và bà H không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 60 xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số S 546955 ngày 19/12/2000 để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng, Ngân hàng yêu cầu ông K và bà H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 03 Bảng kê tính lãi; 02 Sổ giao dịch tiền vay (bản phô tô); 02 Lịch sử giao dịch tiền vay (bản phô tô); 05 Chứng từ giao dịch (bản phô tô); 02 Hợp đồng tín dụng số 887/2019/HĐTD ngày 13-3-2019 và số 2044/2019/HĐTD ngày 15-5-2019 (bản sao); 02 Thông báo điều chỉnh giảm lãi suất cho vay trong hạn ngày 16-7-2021 (bản sao); 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 510518/HĐTC ngày 15-5-2018 và số 660318 ngày 14-3-2018 (bản sao); 02 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 15-5-2018 và ngày 14-3-2018 (bản sao); 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 546955 và CL 878099 (bản sao); 01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965 ngày 27-12-2019 (bản sao); 01 Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152 ngày 17-6-2021 (bản sao); 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); 01 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng A số 1058 ngày 18-12-2019 (bản sao); 01 Quyết định về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng A số 600 ngày 23-4-2012 (bản sao);

01 Điều lệ tổ chức và hoạt động của ngân hàng (bản phô tô); 01 Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16-02-2022.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 887/2019/HĐTD ngày 13-3-2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 660318/HĐTC ngày 14-3-2018 do bị đơn đã trả nợ xong và hai bên đã thực hiện việc giải chấp là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hợp đồng tín dụng số 2044/2019/HĐTD ngày 15-5-2019 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông K và bà H phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 21-6-2022 là 513.970.708 đồng, trong đó nợ gốc là 340.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.322.685 đồng, nợ lãi trong hạn là 77.195.891 đồng, tiền lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 12.452.132 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông K và bà H có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 510518/HĐTC ngày 15-5-2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 60 xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số S 546955 ngày 19-12-2000 cho ông Tạ

Văn K và bà Lê Thị H. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 16-02-2022 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được thế chấp nói trên không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2. Buộc ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày 21-6-2022 là 513.970.708 đồng (năm trăm mười ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm không tám đồng), trong đó nợ gốc là 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 84.322.685 đồng (tám mươi bốn triệu ba trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 77.195.891 đồng (bảy mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi mốt đồng), tiền lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 12.452.132 đồng (mười hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm ba mươi hai đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H không trả đủ toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 60 tại xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số S 546955 ngày 19-12-2000 cho ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Buộc ông Tạ Văn K và bà Lê Thị H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.558.828 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.566.311 đồng (mười bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm mười một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008378 ngày 03-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính